



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Phía Nam: 240 HẬU GIANG, P.9, Q.6, TP. HCM - ĐT: (08) 3969 0973 - FAX: (08) 3960 6814
Phía Bắc: D1, Khu D, KCN Phố Nối A, H. Văn Lâm, T. Hưng Yên - ĐT: (0321) 396 7868 - Fax: (0321) 396 7869
Website: www.binhminhplastic.com



GIÁ BÁN SẢN PHẨM PP-R

(PRICE LIST OF PP-R PRODUCTS)

CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY 06-4-2015 ĐẾN KHI THAY ĐỔI BẢNG GIÁ MỖI

TT	Sản phẩm		Áp lực (PN)	Đơn giá (đồng/mét)		TT	Sản phẩm		Đơn giá (đồng/cái)		TT	Sản phẩm		Đơn giá (đồng/cái)	
				Chưa thuế	Thanh toán				Chưa thuế	Thanh toán				Chưa thuế	Thanh toán
Ống PP-R (PP-R Pipes)						Nối (Coupling)				Nối ren ngoài (Threaded Adaptor Male)					
1	Ø	20 x 1,9mm	10bar	18.100	19.910	1	20	6.000	6.600	22	20 x 1/2"	58.000	63.800		
2	Ø	20 x 3,4mm	20bar	29.000	31.900	2	25	7.700	8.470	23	20 x 3/4"	82.000	90.200		
3	Ø	25 x 2,3mm	10bar	27.500	30.250	3	32	11.000	12.100	24	25 x 1/2"	61.000	67.100		
4	Ø	25 x 4,2mm	20bar	44.600	49.060	4	40	20.000	22.000	25	25 x 3/4"	87.000	95.700		
5	Ø	32 x 2,9mm	10bar	43.600	47.960	5	50	30.000	33.000	26	32 x 1"	262.000	288.200		
6	Ø	32 x 5,4mm	20bar	72.800	80.080	6	63	62.000	68.200	27	40 x 1.1/4"	395.000	434.500		
7	Ø	40 x 3,7mm	10bar	69.100	76.010	7	75	134.000	147.400	28	50 x 1.1/2"	435.000	478.500		
8	Ø	40 x 6,7mm	20bar	112.500	123.750	8	90	193.000	212.300	29	63 x 2"	599.000	658.900		
9	Ø	50 x 4,6mm	10bar	106.800	117.480	9	110	361.000	397.100	30	75 x 2.1/2"	1.450.000	1.595.000		
10	Ø	50 x 8,3mm	20bar	174.300	191.730	10	160	1.330.000	1.463.000	Rắc - co ren trong					
11	Ø	63 x 5,8mm	10bar	168.700	185.570	Nối ren trong (Threaded Adaptor Female)				(Hexagonal Union Adaptor Female)					
12	Ø	63 x 10,5mm	20bar	276.800	304.480	11	20 x 1/2"	51.000	56.100	31	20 x 1/2"	144.000	158.400		
13	Ø	75 x 6,8mm	10bar	285.000	313.500	12	20 x 3/4"	68.000	74.800	32	25 x 3/4"	193.000	212.300		
14	Ø	75 x 12,5mm	20bar	572.000	629.200	13	25 x 1/2"	57.000	62.700	33	32 x 1"	289.000	317.900		
15	Ø	90 x 8,2mm	10bar	600.000	660.000	14	25 x 3/4"	68.000	74.800	34	40 x 1.1/4"	451.000	496.100		
16	Ø	90 x 15mm	20bar	850.000	935.000	15	32 x 3/4"	129.000	141.900	35	50 x 1.1/2"	819.000	900.900		
17	Ø	110 x 10mm	10bar	897.000	986.700	16	32 x 1"	240.000	264.000	36	63 x 2"	1.380.000	1.518.000		
18	Ø	110 x 18,3mm	20bar	1.424.000	1.566.400	17	40 x 1"	357.000	392.700	Rắc - co ren ngoài (Hexagonal Union Adaptor Male)					
19	Ø	160 x 14,6mm	10bar	2.032.000	2.235.200	18	40 x 1.1/4"	302.000	332.200	37	20 x 1/2"	163.000	179.300		
20	Ø	160 x 26,6mm	20bar	3.300.000	3.630.000	19	50 x 1.1/2"	338.000	371.800	38	25 x 3/4"	201.000	221.100		
						20	63 x 2"	515.000	566.500	39	32 x 1"	295.000	324.500		
						21	75 x 2.1/2"	1.290.000	1.419.000	40	40 x 1.1/4"	476.000	523.600		
										41	50 x 1.1/2"	888.000	976.800		

* Ống PP-R do Nhựa Bình Minh sản xuất theo tiêu chuẩn DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008

* Phụ tùng cho ống PP-R là hàng nhập khẩu của BLUE OCEAN (UK)

TT	Sản phẩm	Đơn giá (đồng/cái)		TT	Sản phẩm	Đơn giá (đồng/cái)		TT	Sản phẩm	Đơn giá (đồng/cái)	
		Chưa thuế	Thanh toán			Chưa thuế	Thanh toán			Chưa thuế	Thanh toán
<u>Nối giảm (Reducing Coupling)</u>				<u>Rắc - co hàn</u>				<u>Co 90^o ren ngoài (Threaded 90^o Elbow Male)</u>			
42	25 x 20	6.500	7.150	<u>(Union Adaptor With Two Fusion End)</u>				100	20 x 1/2"	69.000	75.900
43	32 x 20	10.000	11.000	73	20	96.000	105.600	101	20 x 3/4"	111.000	122.100
44	32 x 25	11.000	12.100	74	25	138.000	151.800	102	25 x 1/2"	75.000	82.500
45	40 x 20	14.500	15.950	75	32	204.000	224.400	103	25 x 3/4"	95.000	104.500
46	40 x 25	15.500	17.050	76	40	222.000	244.200	104	32 x 3/4"	133.000	146.300
47	40 x 32	16.500	18.150	<u>Co 45^o (45^o Elbow)</u>				105	32 x 1"	278.000	305.800
48	50 x 20	25.500	28.050	77	20	8.000	8.800	<u>Co 90^o ren trong (Threaded 90^o Elbow Female)</u>			
49	50 x 25	27.000	29.700	78	25	9.700	10.670	106	20 x 1/2"	50.000	55.000
50	50 x 32	29.000	31.900	79	32	16.000	17.600	107	20 x 3/4"	72.000	79.200
51	50 x 40	34.000	37.400	80	40	30.000	33.000	108	25 x 1/2"	58.000	63.800
52	63 x 20	50.000	55.000	81	50	51.000	56.100	109	25 x 3/4"	80.000	88.000
53	63 x 25	54.500	59.950	82	63	109.000	119.900	110	32 x 3/4"	129.000	141.900
54	63 x 32	61.000	67.100	83	75	171.000	188.100	111	32 x 1"	250.000	275.000
55	63 x 40	62.000	68.200	84	90	266.000	292.600	<u>Nắp khóa hàn (Cap)</u>			
56	63 x 50	62.500	68.750	85	110	455.000	500.500	112	20	11.000	12.100
57	75 x 32	102.000	112.200	86	160	1.240.000	1.364.000	113	25	13.000	14.300
58	75 x 40	107.000	117.700	<u>Co 90^o (90^o Elbow)</u>				114	32	15.000	16.500
59	75 x 50	109.000	119.900	87	20	7.000	7.700	115	40	20.000	22.000
60	75 x 63	123.000	135.300	88	25	10.000	11.000	116	50	51.000	56.100
61	90 x 40	156.000	171.600	89	32	15.000	16.500	117	63	72.000	79.200
62	90 x 50	167.000	183.700	90	40	26.000	28.600	118	75	127.000	139.700
63	90 x 63	171.000	188.100	91	50	57.000	62.700	119	90	195.000	214.500
64	90 x 75	176.000	193.600	92	63	100.000	110.000	<u>Nắp khóa ren ngoài (Screw Cap)</u>			
65	110 x 50	243.000	267.300	93	75	222.000	244.200	120	20 x 1/2"	10.000	11.000
66	110 x 63	287.000	315.700	94	90	351.000	386.100	121	25 x 3/4"	13.000	14.300
67	110 x 75	292.000	321.200	95	110	601.000	661.100	<u>Khúc tránh (Bridging Piece)</u>			
68	110 x 90	296.000	325.600	96	160	1.560.000	1.716.000	122	20	31.000	34.100
69	160 x 110	958.000	1.053.800	<u>Co 90^o giảm (90^o Reducing Elbow)</u>				123	25	49.000	53.900
<u>Van bi (Ball Valve With Two Fusion)</u>				97	25 x 20	10.000	11.000	124	32	85.000	93.500
70	20	70.000	77.000	98	32 x 20	15.000	16.500	125	40	180.000	198.000
71	25	85.000	93.500	99	32 x 25	16.000	17.600	126	50	294.000	323.400
72	32	123.000	135.300					127	63	511.000	562.100

TT	Sản phẩm	Đơn giá (đồng/cái)		TT	Sản phẩm	Đơn giá (đồng/cái)		TT	Sản phẩm	Đơn giá (đồng/cái)	
		Chưa thuế	Thanh toán			Chưa thuế	Thanh toán			Chưa thuế	Thanh toán
T giảm (Reducing Tee)				T đều (Equal Tee)				Van bi gat lạnh (Ball Valve for cold water use)			
128	25 x 20	13.000	14.300	159	20	8.000	8.800	188	20	69.000	75.900
129	32 x 20	19.000	20.900	160	25	12.000	13.200	189	25	84.000	92.400
130	32 x 25	22.000	24.200	161	32	21.000	23.100	190	32	127.000	139.700
131	40 x 20	48.000	52.800	162	40	36.000	39.600	191	40	187.000	205.700
132	40 x 25	52.000	57.200	163	50	62.000	68.200	192	50	314.000	345.400
133	40 x 32	57.000	62.700	164	63	136.000	149.600	193	63	515.000	566.500
134	50 x 20	74.000	81.400	165	75	302.000	332.200				
135	50 x 25	81.000	89.100	166	90	482.000	530.200	Mặt bích,vai bích thép (Flange with steel flange backing)			
136	50 x 32	84.000	92.400	167	110	721.000	793.100	194	32	354.000	389.400
137	50 x 40	90.000	99.000	168	160	1.960.000	2.156.000	195	40	443.000	487.300
138	63 x 20	142.000	156.200	T ren trong (Threaded Tee Female)				196	50	485.000	533.500
139	63 x 25	157.000	172.700	169	20 x 1/2"	56.000	61.600	197	63	585.000	643.500
140	63 x 32	172.000	189.200	170	20 x 3/4"	81.000	89.100	198	75	643.000	707.300
141	63 x 40	242.000	266.200	171	25 x 1/2"	58.000	63.800	199	90	812.000	893.200
142	63 x 50	246.000	270.600	172	25 x 3/4"	80.000	88.000	200	110	968.000	1.064.800
143	75 x 25	246.000	270.600	173	32 x 1"	250.000	275.000	201	160	1.750.000	1.925.000
144	75 x 32	246.000	270.600	Van xoay (Stop Valve)				Bích (Flange)			
145	75 x 40	246.000	270.600	174	20	220.000	242.000	202	50	182.000	200.200
146	75 x 50	246.000	270.600	175	25	345.000	379.500	Joint mặt bích (Seal for flange)			
147	75 x 63	246.000	270.600	176	32	355.000	390.500	203	50	35.000	38.500
148	90 x 40	357.000	392.700	177	40	538.000	591.800	204	63	63.000	69.300
149	90 x 50	374.000	411.400	178	50	713.000	784.300	205	75	80.000	88.000
150	90 x 63	398.000	437.800	179	63	1.200.000	1.320.000	206	90	95.000	104.500
151	90 x 75	423.000	465.300	180	75	1.480.000	1.628.000	207	110	142.000	156.200
152	110 x 63	601.000	661.100	181	90	2.100.000	2.310.000	208	160	237.000	260.700
153	110 x 90	697.000	766.700	Van bi gat nóng (Ball Valve for hot water use)							
154	160 x 110	2.080.000	2.288.000	182	20	113.000	124.300				
T ren ngoài (Threaded Tee Male)				183	25	138.000	151.800				
155	20 x 1/2"	66.000	72.600	184	32	266.000	292.600				
156	20 x 3/4"	103.000	113.300	185	40	592.000	651.200				
157	25 x 1/2"	73.000	80.300	186	50	829.000	911.900				
158	25 x 3/4"	88.000	96.800	187	63	1.510.000	1.661.000				